

Bản án số: 291/2022/DS-PT

Ngày: 01 - 11 - 2022

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Yên

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Minh Trung

Ông Nguyễn Trọng Quế

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2021/DS-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 182/2021/QĐXX-PT ngày 19 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Đỗ Phương N, sinh năm 1960 (có mặt).

2. Bà Trương Kim U (Thị U), sinh năm 1960 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, Luật sư của Văn phòng Luật sư AS, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Chị Võ Ngọc T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 9, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Đỗ Phương V, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U trình bày:* Anh Đỗ Phương V và chị Võ Ngọc T là vợ chồng, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau đã xử lý hôn nhân tại Bản án số 74/2015/HNGĐ-ST ngày 12-10-2015. Trong thời gian tồn tại hôn nhân (năm 2009) anh V và chị T có mở cửa hàng mua bán điện thoại di động và linh kiện điện thoại tại khóm 4, thị trấn M, huyện M nên ông bà xuất ra 115.000.000 đồng góp vốn kinh doanh. Quá trình kinh doanh thu lãi được 1.000.000.000 đồng. Phần tiền trên anh V, chị T thanh toán nợ 30.000.000 đồng, phần còn lại 970.000.000 đồng do anh V quản lý.

Ông, bà cho rằng đây là tài sản chung của ông bà với anh V và chị T, nên yêu cầu phân chia cho ông bà  $\frac{1}{2}$  bằng 485.000.000 đồng và buộc anh V, chị T trả lại tiền vốn 115.000.000 đồng.

*Chị Võ Ngọc T trình bày:* Chị xác định số tiền 1.000.000.000 đồng là tài sản chung của chị và anh V tạo lập trong thời kỳ hôn nhân từ kinh doanh cửa hàng điện thoại. Thời điểm này, ông N, bà U mua bán gạo riêng, không có góp vốn làm ăn với vợ chồng chị.

Chị và anh V khi ly hôn, Tòa án nhân dân huyện M xử phân chia tài sản chung tại bản án hôn nhân và gia đình số 74/2015/HNGĐ-ST ngày 12-10-2015 đã có hiệu lực, nên chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông N và bà U. Đối với số tiền 115.000.000 đồng là tiền ông N và bà U cho chị và anh V mượn để kinh doanh, không phải góp vốn, nên chị đồng ý trả  $\frac{1}{2}$  giá trị cho ông N, bà U bằng 57.500.000 đồng.

*Anh Đỗ Phương V trình bày:* Anh xác định ông N và bà U là cha mẹ của anh, có góp vốn 115.000.000 đồng cho anh và chị Thuý mua bán điện thoại, tạo nên khoản lãi 1.000.000.000 đồng. Anh đồng ý trả lại  $\frac{1}{2}$  vốn góp bằng 57.500.000 đồng và phân chia cho ông N, bà U tiền lãi bằng 485.000.000 đồng theo yêu cầu của ông N, bà U.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2021/DS-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện M quyết định:*

Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U đối với anh Đỗ Phương V và chị Võ Ngọc T.

Buộc anh Đỗ Phương V và chị Võ Ngọc T mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U với số tiền 57.500.000 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận khởi kiện của ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U yêu cầu anh Đỗ Phương V và chị Võ Ngọc T phân chia số tiền 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 17/6/2021 ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông bà.

*Tại phiên tòa:*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Số tiền vốn ban đầu 115.000.000 đồng là tiền nguyên đơn góp vốn kinh doanh điện thoại di động với bị đơn và quá trình kinh doanh phát sinh lãi 1.000.000.000 đồng. Hơn nữa, việc kinh doanh mua bán được thực hiện tại nhà ông N bà U, các hóa đơn chứng từ đã cung cấp tại Tòa án đã chứng minh đối với các khoản tiền đóng thuế, thuê ki ốt kinh doanh, đơn xác nhận của UBND thị trấn M về việc ông N bà U có thuê ki ốt và trả tiền mặt bằng... Do đó, cấp sơ thẩm cho rằng số tiền 115.000.000 đồng là tiền nguyên đơn cho bị đơn mượn là không có căn cứ. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông N và bà U trình bày: Ông, bà bảo lưu nội dung kháng cáo, khoản tiền 1150.000.000 đồng ông bà đưa cho anh V, chị Thuỳ dùng làm vốn kinh doanh mua bán điện thoại di động là có thật. Nhà dùng làm nơi mua bán kinh doanh là của ông bà; có lúc ông bà tham gia trực tiếp vào việc mua bán với anh V, chị Thuỳ. Yêu cầu xác định ông bà có hùn vốn trong việc kinh doanh trên và chia lợi nhuận cho ông bà như đã khởi kiện.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:* Căn cứ kháng cáo của ông N, bà U không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Kháng cáo của ông N, bà U thực hiện đúng qui trình luật định.

[2]. Xét kháng cáo của ông N, bà U thấy rằng:

Năm 2015 anh V và chị T ly hôn, ông N và bà U là cha mẹ của anh V không yêu cầu đòi lại số tiền vốn đầu tư 115.000.000 đồng và phân chia số tiền lãi 970.000.000 đồng, ông bà có ý kiến không đồng ý phân chia số tiền lãi mà yêu cầu để cho anh V nuôi con. Sau khi bản án sơ thẩm số 74/2015/HNGĐ-ST ngày

12-10-2015 của Tòa án nhân dân huyện M xét xử phân chia số tiền lãi cho anh V và chị T mỗi người được 485.000.000 đồng, ông N và bà U không đồng ý, kháng cáo yêu cầu phân chia cho ông bà số tiền lãi. Tại bản án phúc thẩm số 03/2016/HNGĐ-PT ngày 15-01-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chấp nhận kháng cáo của ông N và bà U, phân chia số tiền lãi cho anh V, chị T, ông N, bà U mỗi người 242.500.000 đồng. Chị T không đồng ý nên khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 20/2018/HNGĐ-GĐT ngày 22-10-2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy toàn bộ bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 03/2016/HNGĐ-PT ngày 15-01-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau; giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 74/2015/HNGĐ-ST ngày 12-10-2015 của Tòa án nhân dân huyện M; ngoài ra Quyết định giám đốc thẩm còn nhận định trong trường hợp ông N và bà U có tranh chấp số tiền trên có quyền khởi kiện thành một vụ án dân sự khác. Như vậy, đối với số tiền lãi 970.000.000 đồng mà ông N và bà U yêu cầu phân chia đã được giải quyết tại bản án sơ thẩm và Quyết định giám đốc thẩm nói trên có hiệu lực pháp luật, xác định số tiền này là tài sản chung của anh V và chị T kinh doanh cửa hàng điện thoại mà có nên đã phân chia mỗi người được 485.000.000 đồng. Do đó, ông N và bà U yêu cầu phân chia số tiền này cho ông bà là không có căn cứ.

Án sơ thẩm nhận định và xử lý như vậy là có căn cứ, đúng với qui định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của ông N, bà U.

[3] Đối với yêu cầu của ông N và bà U số tiền 115.000.000 đồng, chị T, anh V khai thống nhất có nợ ông N, bà U khoản tiền này, đồng ý trả lại cho ông N và bà U  $\frac{1}{2}$  tương ứng số tiền 57.500.000 đồng, án sơ thẩm xử lý trách nhiệm thanh toán khoản tiền này theo tự nguyện của chị Thuỳ, anh V và không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Ngoài ra, theo trình bày của ông N và bà U cho rằng trong quá trình anh V và chị T mở cửa hàng kinh doanh điện thoại, ông bà có xuất tiền ra thuê mặt bằng 41 tháng với số tiền 24.887.000 đồng, trả tiền điện thấp sáng 3.744.000 đồng và trả tiền nước, tiền điện thoại bàn phục vụ kinh doanh nhưng không xác định được bao nhiêu. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N và bà U không yêu cầu đòi lại các khoản tiền này nên không xét.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không nhận xét lặp lại.

[6]. Án phí phúc thẩm ông N, bà U phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2021/DS-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U đối với anh Đỗ Phương V và chị Võ Ngọc T.

Buộc anh Đỗ Phương V và chị Võ Ngọc T mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U số tiền 57.500.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

*Kể từ khi bản án có hiệu lực, ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U có đơn yêu cầu thi hành án, anh Đỗ Phương V và chị Võ Ngọc T chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Không chấp nhận khởi kiện của ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U yêu cầu anh Đỗ Phương V và chị Võ Ngọc T phân chia số tiền 485.000.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

3. Án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đỗ Phương V và chị Võ Ngọc T mỗi người phải chịu 2.875.000 đồng (*Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U phải chịu 23.400.000 đồng, ngày 08/01/2019 ông N và bà U nộp tạm ứng án phí số tiền 14.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004160 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M được chuyển thu, ông N và bà U còn phải nộp tiếp án phí với số tiền 9.400.000 đồng (*Chín triệu bốn trăm ngàn đồng*).

3.2. *Án phí phúc thẩm:* Ông Đỗ Phương N và bà Trương Kim U phải chịu 300.000 đồng. Ngày 17/6/2021 ông N và bà U nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008366 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M được chuyển thu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Yên**